

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÙ ĐĂNG
TỈNH BÌNH P**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 58/2024/HSST

Ngày: 02 - 7 - 2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH P

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Đào

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Đức Hòa

2. Bà Lê Thị Thận

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thị Chang – Là thư ký Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Duy Hiếu - Kiểm sát viên.

Trong ngày 02 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình P, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 49/2024/HSST ngày 21 tháng 5 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 70/2024/QĐXXST-HS ngày 20 tháng 6 năm 2024, đối với bị cáo:

Họ và tên: Phạm Ngọc P (tên gọi khác: Không), sinh năm: 1975 tại tỉnh Tuyên Quang.

Nơi cư trú: Thôn A, xã B, huyện C, tỉnh Bình P; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ văn hóa: 05/12; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam, tôn giáo: Không; Căn cước công dân số 008075007197 do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 20/8/2021; con ông Phạm Văn Ph, sinh năm 1950 và bà Bùi Thị T (đã chết); có vợ tên Ngô Thị Thủy T, sinh năm 1975 (đã ly hôn) và 02 con, con lớn nhất sinh năm 1997, nhỏ nhất sinh năm 2007; tiền sự, tiền án: Không.

Nhân thân: Ngày 25/11/2002, bị Toà án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình P xử phạt 08 tháng tù về Tội chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có theo Bản án số 44/2002/HSST, bị cáo đã chấp hành xong bản án và được xóa án tích.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 27/12/2023 đến nay. “Có mặt”

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 12 giờ ngày 27/12/2023, Phạm Ngọc P điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 16K1 – 8564 của P đi đến nhà bà La Thị Th địa chỉ: thôn D, xã B, huyện C, tỉnh Bình P. Khi đến nhà bà Th, P để xe ở ngoài lề đường rồi đi bộ vào nhà. Tại nhà bà Th, P mua của Lý Văn T 200.000 đồng ma túy, loại Heroin đựng trong 01 gói giấy bạc, P mở gói giấy bạc ra xem thấy bên trong có ít ma túy, nên P đổi ý không mua, trả lại ma túy cho T và lấy lại số tiền 200.000 đồng. Khi P đi ra chỗ xe mô tô thì không thấy xe mô tô đâu nên P đã quay lại nói với T xe đã bị mất trộm. Tiếp đó, P nói T bán **cho P 100.000 đồng ma túy**, T cầm tiền của P và đưa cho P 01 gói ma túy đựng trong giấy bạc. Sau đó, P cất gói ma túy vào bên trong gói thuốc lá hiệu SAIGON và bỏ trong túi áo thun đang mặc trên người để đi về. Khi P ra về, T đưa lại cho P số tiền 100.000 đồng P đưa để mua ma túy để P bắt xe ôm đi về nhà. Đến khoảng 12 giờ 45 phút cùng ngày, khi P đang đi bộ về nhà tại thôn Đàng Lang, xã B, huyện C, tỉnh Bình P thì bị Cơ quan CSĐT - Công an huyện Bù Đốp phối hợp cùng Công an xã Đak Nhau kiểm tra, phát hiện bên trong túi áo thun của P đang mặc có 01 gói ma túy, loại Heroine nên lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, thu giữ 01 điện thoại di động hiệu Redmi và số tiền 200.000 đồng, niêm phong tang vật (ký hiệu M có chữ ký của P) để điều tra xử lý theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, vào khoảng 15 giờ 30 phút ngày 27/12/2023, La Văn Ph điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 93LA - 012.22 mượn của anh La Văn G đi đến nhà bà La Thị Th cùng thôn D, xã B, huyện C mua 100.000 đồng ma túy, loại Heroin của T. Mua xong, Ph đi về nhà, khi đi được khoảng 100 mét thì bị Cơ quan CSĐT - Công an huyện Bù Đốp phối hợp cùng Công an xã Đak Nhau kiểm tra. Thấy vậy Ph lấy gói ma túy cất giấu trong túi quần ra ném xuống mặt đường ngay vị trí dừng xe thì bị phát hiện. Ngay sau đó, lực lượng Công an vào nhà bà La Thị Th, tiến hành kiểm tra Lý Văn T phát hiện trong túi áo bên ngực trái của T có 11 gói nylon chứa ma túy (trong đó 07 gói T cất giấu với mục đích bán cho người khác với giá 700.000 đồng/1 gói, còn 04 gói T cất giấu với mục đích để sử dụng; số tiền 5.600.000 đồng (trong đó 100.000 đồng là tiền vừa bán ma túy cho Ph). T khai nhận toàn bộ số ma túy trên mua của 01 người phụ nữ (không rõ nhân thân, lý lịch) ở khu vực “Làng Mông” thuộc xã Đăk Ngo, huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông với giá 3.000.000 đồng. Cơ quan CSĐT - Công an huyện Bù Đốp lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, thu giữ, niêm phong tang vật (ký hiệu M1 có chữ ký của Ph, M2, M3 có chữ ký của T) để điều tra xử lý theo quy định của pháp luật.

- Tại Kết luận giám định số 1323/2024/KL-KTHS ngày 04/01/2024 của Phòng kỹ thuật hình sự – Công an tỉnh Bình P, kết luận: Chất màu trắng (ký hiệu M có chữ ký của P) có trong 01 gói giấy bạc được niêm phong gửi giám định là ma túy, loại Heroine, có khối lượng là: 0,1095 gam.

- Tại Kết luận giám định số 1324/KL-KTHS ngày 04/01/2024 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình P, xác định: Chất màu trắng (ký hiệu M1 có chữ ký của Ph, M2, M3 có chữ ký của T) được niêm phong gửi giám định là ma túy, loại Heroine, có khối lượng lần lượt là: M1 = 0,0302 gam; M2 = 2,2455 gam; M3 = 0,3826 gam. Tổng khối lượng ma túy theo kết luận giám định là 2,6583 gam.

- Về vật chứng vụ án: Số ma túy còn lại sau giám định được niêm phong trong 04 phong bì ký hiệu 1323M, 1324M1, 1324M2, 1324M3 của Phòng kỹ thuật hình sự

- Công an tỉnh Bình P và số tiền 100.000 đồng chuyển Kho bạc và Chi cục thi hành án hình sự huyện Bù Đăng để phục vụ công tác truy tố, xét xử.

Tại Bản cáo trạng số 55/CT – VKS ngày 21/5/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng truy tố bị cáo Phạm Ngọc P về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát khẳng định nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật, vì vậy đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên nội dung bản cáo trạng đã truy tố.

Về tội danh đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Phạm Ngọc P phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”; về hình phạt đề nghị áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Phạm Ngọc P từ 12 đến 18 tháng tù.

Về vật chứng vụ án: Đề nghị tịch thu tiêu hủy số ma túy còn lại sau giám định đựng trong 04 phong bì ký hiệu 1323M, 1324M1, 1324M2, 1324M3 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Bình P.

Tịch thu sung Ngân sách nhà nước số tiền 100.000 đồng.

Về án phí buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo luật định.

Bị cáo Phạm Ngọc P thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố, không có ý kiến tranh luận về tội danh, hình phạt và các vấn đề khác đối với đại diện Viện kiểm sát.

Lời nói sau cùng, bị cáo P hối hận về hành vi của mình và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra Công an huyện Bù Đăng, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Xét lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo, lời khai của Lý Văn T và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng trong quá trình điều tra, truy tố, biên bản bắt người phạm tội quả tang, vật chứng vụ án; Kết luận giám định số 1323/2024/KL-KTHS ngày 04/01/2024 của Phòng kỹ thuật hình sự – Công an tỉnh Bình P. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 12 giờ ngày 27/12/2023, Phạm Ngọc P mua 01 gói ma túy với giá 100.000 đồng của Lý Văn T tại khu vực thôn D, xã B, huyện C,

tỉnh Bình P nhằm mục đích sử dụng. Tới khoảng 12 giờ 45 cùng ngày, khi P đang đi bộ về nhà tại thôn Đăng Lang, xã B, huyện C thì bị Công an huyện Bù Đăng phối hợp với Công an xã Đak Nhau kiểm tra, phát hiện và thu giữ trên người P 01 gói ma túy, loại Heroine, có khối lượng là 0,1095 gam.

Như vậy, hành vi của bị cáo Phạm Ngọc P đã phạm vào tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017. Do đó, nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Đánh giá tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo là nghiêm trọng, gây nguy hại cho xã hội, xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma túy, làm mất trật tự trị an tại địa Ph. Bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ được mọi hành vi liên quan đến ma túy là vi phạm pháp luật, là nguyên nhân có thể gây ra nhiều loại tội phạm và tệ nạn xã hội khác nhưng vẫn cố ý phạm tội.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 của Bộ luật Hình sự 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015. Ngoài ra, bị cáo có trình độ học vấn thấp, hoàn cảnh gia đình khó khăn, bị cáo là lao động chính trong gia đình phải nuôi bố ruột đã già yếu, không còn khả năng lao động; đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 mà bị cáo được hưởng.

[6] Sau khi cân nhắc tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo và tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ mà bị cáo được hưởng, Hội đồng xét xử thấy cần xử bị cáo mức án tương xứng với hành vi phạm tội để giáo dục, răn đe bị cáo và phòng ngừa chung.

[7] Về hình phạt bổ sung: Do bị cáo bị nghiện ma túy, có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, hiện đang bị tạm giam nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[8] Đối với các đối tượng khác:

- Đối với Lý Văn T trong quá trình điều tra bị bệnh (lao phổi và xơ gan) chết vào ngày 16/3/2024 tại thôn D, xã B, huyện C, tỉnh Bình P. Ngày 17/4/2024, Cơ quan CSĐT – Công an huyện Bù Đăng đã ra quyết định đình chỉ điều tra đối với bị can Lý Văn T nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Đối với La Văn Ph có hành vi tàng trữ trái phép 0,0302 gam ma túy, loại Heroin (dưới mức tối thiểu) và Ph chưa có tiền án tiền sự liên quan đến ma túy nên Cơ quan CSĐT – Công an huyện Bù Đăng đã ra quyết định xử phạt hành chính 3.500.000 đồng đối với Ph, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

- Đối với người người phụ nữ ở khu vực “Làng Mông” bán ma túy cho T, không xác định được nhân thân, lý lịch nên không có căn cứ xử lý, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

- Đối với bà La Thị Th là chị dâu của Lý Văn T, cho T ở trong nhà của bà Th, nhưng bà Th không biết T có sử dụng ma túy nên không có căn cứ xử lý, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

- Đối với anh La Văn G chủ sở hữu xe mô tô biển kiểm soát 93LA – 012.22, khi mượn xe Ph không nói và anh Giang không biết Ph dùng xe để đi mua ma túy nên không có căn cứ xử lý, do đó Hội đồng xét xử xem xét.

- Đối với người đàn ông xe ôm chở P đi về nhà không rõ nhân thân lý lịch không có tài liệu chứng cứ khác, không có căn cứ xử lý nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Về vật chứng vụ án: Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017; khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015;

- Tịch thu tiêu hủy hàm lượng ma túy còn lại sau khi giám định;

- Tịch thu sung Ngân sách nhà nước số tiền 100.000đồng bị cáo sử dụng để mua ma túy.

[10] Đối với các vật chứng khác:

- Đối với số tiền 5.500.000 đồng tạm giữ của Lý Văn T là tiền của bà La Thị Th cho T mượn để chữa bệnh, không liên quan đến vụ án và Cơ quan điều tra đã trả lại cho bà Th nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Đối với xe mô tô biển kiểm soát 93LA – 012.22 là tài sản của anh La Văn G vì anh Giang không biết việc ông La Văn Ph mượn xe để đi mua ma túy nên Cơ quan cảnh sát điều tra đã trả lại cho anh Giang, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

- Đối với 01 **điện thoại di động hiệu Redmi và số tiền 200.000 đồng** là tài sản hợp pháp của bị cáo Phạm Ngọc P, không liên quan đến vụ án nên Cơ quan điều tra đã trả lại cho bị cáo, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

- Đối với chiếc xe mô tô biển kiểm soát 16K1-8564 của Phạm Ngọc P dùng để đi mua ma túy, nhưng đã mất trộm khi P vào mua ma túy, P không cung cấp được giấy tờ xe, biển số xe là do P nhặt được rồi gắn vào, P không yêu cầu xử lý nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[11] Quan điểm xử lý vụ án của Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa là có căn cứ được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh và hình phạt: Tuyên bố bị cáo Phạm Ngọc P phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Phạm Ngọc P 12 (mười hai) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 27/12/2023.

2. Về vật chứng vụ án: Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 và khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2015;

Tịch thu tiêu hủy còn lại sau giám định đựng trong 04 phong bì ký hiệu 1323M, 1324M1, 1324M2, 1324M3 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Bình P.

Tịch thu sung ngân sách nhà nước số tiền 100.000 đồng bị cáo sử dụng để mua ma túy.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số 0010150, quyển số 0203 ngày 22/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bù Đăng và Giấy nộp tiền ngày 22/5/2024 của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Việt Nam- chi nhánh huyện Bù Đăng- Bình P).

3. Về án phí: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự 2015, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban T vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Buộc bị cáo Phạm Ngọc P phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình P;
- Sở tư pháp tỉnh Bình P;
- Công an tỉnh Bình P;
- VKSND tỉnh Bình P;
- VKSND huyện Bù Đăng;
- CCTHADS huyện Bù Đăng;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trương Thị Đào